

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bình;
2. Ông Nguyễn Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thu Th, sinh năm 19xx; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn K, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu Th trình bày:

Chị Th và Đoàn Văn T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 08/10/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bất hoà. Anh T thường hay nghỉ ngơi công việc của chị Th, cho rằng chị cô

tình đi làm về muộn, thậm chí còn bắt chị nghỉ việc; thường hay tụ tập với bạn bè uống rượu say về nhà kiếm có gây sự, không quan tâm đến chị. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi nên tháng 7 năm 2022, chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Kể từ khi sống ly thân, anh T và gia đình anh T có đến nhà chị nói chuyện động viên chị quay về nhưng chị không chấp nhận. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Anh chị có 01 con chung là Đoàn Thị Kiều N, sinh ngày 31/7/20xx. Do cháu còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên khi ly hôn, chị Th đề nghị Toà án giao con cho chị trực tiếp nuôi; việc cấp dưỡng cho con, chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải, bị đơn là anh Đoàn Văn T khai về thời gian, điều kiện kết hôn tình trạng hôn nhân như nội dung trình bày của chị Th. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 20xx thì anh tham gia quân đội, đến đầu năm 2022 thì ra quân. Sau khi ra quân, vợ chồng anh chị đi làm ăn xa, để con cho bố mẹ anh chăm sóc, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng trẻ, làm ăn nơi đất khách quê người nên nhiều áp lực, vợ chồng hay khó chịu, bức tức, cáu gắt với nhau; một phần do chị Th đi làm thường xuyên tăng ca về muộn, không có thời gian cho gia đình nên anh động viên chị Th bỏ việc tìm công việc làm giờ hành chính khác thì vợ chồng bắt hoà, không nói chuyện với nhau. Do bản tính của anh không muốn vợ chồng to tiếng, cãi nhau nên khi chị Th nói anh thường không nói gì nên vợ chồng ngày một lạnh nhạt, không nói chuyện, quan tâm đến nhau. Tháng 7 năm 2022, chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Kể từ khi sống ly thân, anh cũng đến nhà tìm gặp động viên chị Thủy quay về nhưng chị Th không đồng ý, anh có nhắn tin nói chuyện thì chị Th kêu phiền phức. Nay chị Th yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn bỏ vợ, bỏ con. Anh chị có 01 con chung là Đoàn Thị Kiều N, sinh ngày 31/7/20xx. Khi ly hôn, anh nhận trực tiếp nuôi con vì cháu ở với gia đình anh từ nhỏ; việc cấp dưỡng cho con, anh tự thỏa thuận với chị Th, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh T, chị Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 08/10/2018. Anh chị sống hạnh phúc được 01 năm thì anh T tham gia nghĩa vụ quân sự; đầu năm 2021, chị Th đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó không trở về địa phương. Anh T hiện đi làm xa, không thường xuyên có mặt ở nhà. Anh chị có 01 con chung hiện do chị Th chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn không có văn bản thể hiện việc thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục

tổ tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thu Th được ly hôn anh Đoàn Văn T; giao con Đoàn Thị Kiều N, sinh ngày 31/7/20xx cho chị Th trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu Th thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Đoàn Văn T là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn A, xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu Th và anh Đoàn Văn T được xác lập từ ngày 08/10/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chọn nghề nghiệp nên thường xảy ra bất hoà, đối xử lạnh nhạt, không nói chuyện với nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng, tháng 7 năm 2022, chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị Th được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Thị Kiều N, sinh ngày 31/7/20xx. Xét thấy, từ khi anh T, chị Thủy sống ly thân đến nay, con chung do chị

Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; cháu N dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ; anh chị không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con; căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, giao con Đoàn Thị Kiều N cho chị Th trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu Th:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu Th được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao con Đoàn Thị Kiều N, sinh ngày 31/7/20xx cho chị Nguyễn Thu Th trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006334 ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị Th, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Dương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2018);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên

